

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐIỆN BIÊN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
NĂM HỌC 2025-2026

KẾT QUẢ THI THỰC HÀNH KỲ THI TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC CƠ SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRỰC THUỘC UBND CẤP XÃ NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Thông báo số /TB-SGDĐT ngày /11/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

Vị trí dự tuyển: Giáo viên Tiểu học

TT	SBD	Họ và tên	Ngày/tháng/năm/sinh	Dân tộc	Diện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Điểm thi thực hành vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	2115	Vì Diệu Linh	17/10/2003	Mông	DTTS	Âm nhạc	69.0	5	74.0	
2	2116	Lường Văn An	03/2/1989	Thái	DTTS	GDTC	58.5	5	63.5	
3	2117	Lầu A Di	16/9/2002	Mông	DTTS	GDTC	62.5	5	67.5	
4	2118	Lò Văn Đông	06/04/2002	Lào	DTTS	GDTC	64.5	5	69.5	
5	2119	Đặng Văn Đức	17/4/2002	Tày	DTTS	GDTC	73.5	5	78.5	
6	2120	Trương Ha Lồng	16/8/1996	Hà Nhì	DTTS	GDTC	81.5	5	86.5	
7	2121	Ngân Văn Thiên	19/7/1992	Thái	DTTS	GDTC	73.5	5	78.5	
8	2122	Giảng Quang Thiện	12/11/2000	Thái	DTTS	GDTC	67.5	5	72.5	
9	2123	Nguyễn Đức Trọng	23/5/2001	Kinh		GDTC				Vắng
10	2124	Quảng Văn Việt	22/9/2002	Thái	DTTS	GDTC	69.0	5	74.0	
11	3070	Lò Văn Lịch	19/11/1999	Thái	DTTS	GDTC	84.5	5	89.5	
12	2125	Mùa Thị Chía	05/3/2002	Mông	DTTS	Tiếng Anh	71.0	5	76.0	
13	2126	Giảng Thị Giồng	25/10/2002	Mông	DTTS	Tiếng Anh	48.0	5	53.0	
14	2127	Lê Thị Hà	19/7/1985	Kinh		Tiếng Anh	48.5		48.5	
15	2128	Lường Thị Hậu	06/01/2003	Thái	DTTS	Tiếng Anh	85.0	5	90.0	
18	2129	Cà Thị Hoa	02/06/1998	Thái	DTTS	Tiếng Anh	49.5	5	54.5	
17	2130	Sông Thị Hoa	20/11/1993	Mông	DTTS	Tiếng Anh	81.0	5	86.0	
18	2131	Lò Thị Khuyên	23/3/2003	Thái	DTTS	Tiếng Anh	84.0	5	89.0	
19	2132	Trần Trọng Kim	16/3/1982	Kinh		Tiếng Anh				Vắng
20	2133	Quảng Thị Sao Mai	23/7/2003	Thái	DTTS	Tiếng Anh	71.0	5	76.0	
21	2134	Khoảng Thị Phương	06/6/2003	Thái	DTTS	Tiếng Anh	83.5	5	88.5	
22	2135	Thào Thị Sinh	25/3/1992	Mông	DTTS	Tiếng Anh	49.5	5	54.5	
23	2136	Sùng Thị Tà	03/4/2003	Mông	DTTS	Tiếng Anh	86.0	5	91.0	
24	2137	Tòng Thị Quỳnh Trang	06/10/2003	Thái	DTTS	Tiếng Anh	70.0	5	75.0	
25	2138	Mào Quốc Huy	02/12/2001	Thái	DTTS	Tin học	83.0	5	88.0	
26	2139	Vũ Văn Long	22/51996	Kinh		Tin học	85.5		85.5	
27	2140	Vàng A Tính	08/4/1996	Mông	DTTS	Tin học	83.5	5	88.5	
28	2141	Lèng Văn Tuấn	12/5/1995	Thái	DTTS	Tin học	82.5	5	87.5	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày/tháng/năm/sinh	Dân tộc	Điện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Điểm thi thực hành vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
29	2142	Đào Thị Bảo Yến	15/9/2003	Kinh		Tin học	64.5		64.5	
30	2001	Lò Đức Hoàng Anh	07/1/2003	Thái	DTTS	Văn hóa	88.0	5	93.0	
31	2002	Nguyễn Lan Anh	20/11/2003	Kinh		Văn hóa	89.5		89.5	
32	2003	Vừ Trung Bay	05/06/2000	Mông	DTTS	Văn hóa				Vắng
33	2004	Lò Thị Biên	30/9/1993	Thái	DTTS	Văn hóa	67.5	5	72.5	
34	2005	Lò Văn Bình	14/11/2003	Thái	DTTS	Văn hóa	68.5	5	73.5	
35	2006	Phàng Tổng Cả	19/7/2001	Mông	DTTS	Văn hóa				Vắng
36	2007	Lường Thị Chiên	06/08/1997	Thái	DTTS	Văn hóa	66.0	5	71.0	
37	2008	Lò Thị Chinh	28/3/1991	Thái	DTTS	Văn hóa	53.5	5	58.5	
38	2009	Lường Văn Chiu	08/1/2000	Thái	DTTS	Văn hóa	67.5	5	72.5	
39	2010	Lò Văn Choi	20/2/1990	Thái	DTTS	Văn hóa	62.0	5	67.0	
40	2011	Nguyễn Đức Công	07/7/1996	Kinh		Văn hóa	84.0		84.0	
41	2012	Vàng Thị Minh Cương	20/03/2003	Mông	DTTS	Văn hóa	82.5	5	87.5	
42	2013	Lò Văn Cường	7/7/1997	Thái	DTTS	Văn hóa	80.5	5	85.5	
43	2014	Lò Văn Cường	05/3/1994	Thái	DTTS	Văn hóa	69.5	5	74.5	
44	2015	Mùa A Dénh	05/6/1999	Mông	DTTS	Văn hóa	90.0	5	95.0	
45	2016	Tòng Thị Diễm	06/10/2002	Thái	DTTS	Văn hóa	70.0	5	75.0	
46	2017	Lù Thị Diệp	09/4/2001	Thái	DTTS	Văn hóa	82.0	5	87.0	
47	2018	Giảng A Dờ	20/05/1994	Mông	DTTS	Văn hóa	58.0	5	63.0	
48	2019	Mùa Thị Dứa	01/06/1996	Mông	DTTS	Văn hóa	63.5	5	68.5	
49	2020	Vừ Thị Dung	05/3/1997	Mông	DTTS	Văn hóa	62.5	5	67.5	
50	2021	Giảng A Dương	27/10/2000	Mông	DTTS	Văn hóa	69.5	5	74.5	
51	2022	Lường Văn Đại	28/10/2001	Thái	DTTS	Văn hóa	69.0	5	74.0	
52	2023	Đèo Thị Đào	26/6/2003	Thái	DTTS	Văn hóa	63.0	5	68.0	
53	2024	Tòng Văn Đạm	13/12/1991	Thái	DTTS	Văn hóa	64.0	5	69.0	
54	2025	Lò Thu Giang	30/9/2002	Thái	DTTS	Văn hóa	66.0	5	71.0	
55	2026	Lò Thu Hà	27/10/2003	Thái	DTTS	Văn hóa	76.5	5	81.5	
56	2027	Vì Thị Hà	20/11/2002	Thái	DTTS	Văn hóa	69.5	5	74.5	
57	2028	Cầm Xuân Hải	05/3/2001	Thái	DTTS	Văn hóa				Vắng
58	2029	Mào Văn Hải	13/6/1994	Thái	DTTS	Văn hóa	61.5	5	66.5	
59	2030	Điêu Thị Hạnh	18/4/2001	Thái	DTTS	Văn hóa	65.5	5	70.5	
60	2031	Lò Thị Hằng	20/10/1993	Thái	DTTS	Văn hóa	62.5	5	67.5	
61	2032	Quảng Thị Hằng	30/5/1994	Thái	DTTS	Văn hóa	80.5	5	85.5	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày/tháng/năm/sinh	Dân tộc	Điện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Điểm thi thực hành vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
62	2033	La Văn Hiến	06/2/2002	Thái	DTTS	Văn hóa				Vắng
63	2034	Nguyễn Ngọc Hiến	27/1/2003	Kinh		Văn hóa	92.0		92.0	
64	2035	Pờ Ly Hoa	02/7/2001	Hà Nhì	DTTS	Văn hóa	66.5	5	71.5	
65	2036	Lò Văn Hoàng	08/3/2003	Thái	DTTS	Văn hóa	86.5	5	91.5	
66	2037	Mào Văn Hoàng	16/3/1992	Thái	DTTS	Văn hóa	61.5	5	66.5	
67	2038	Vì Văn Hoàng	27/11/1994	Lào	DTTS	Văn hóa	67.5	5	72.5	
68	2039	Lường Thị Hồng	05/10/1996	Thái	DTTS	Văn hóa	61.0	5	66.0	
69	2040	Lù Thị Hộng	14/3/1993	Thái	DTTS	Văn hóa	80.5	5	85.5	
70	2041	Lò Văn Hùng	02/6/1987	Thái	DTTS	Văn hóa	64.0	5	69.0	
71	2042	Vàng A Hùng	02/5/2002	Mông	DTTS	Văn hóa	81.5	5	86.5	
72	2043	Lục Văn Huỳnh	02/01/1996	Nùng	DTTS	Văn hóa	51.0	5	56.0	
73	2044	Đào Thị Hương	29/10/1997	Kinh		Văn hóa	84.0		84.0	
74	2045	Lò Thị Hương	06/3/1996	Thái	DTTS	Văn hóa	85.0	5	90.0	
75	2046	Trần Mai Hương	14/1/1999	Kinh		Văn hóa	90.5		90.5	
76	2047	Lò Văn Hường	10/9/1997	Thái	DTTS	Văn hóa	68.5	5	73.5	
77	2048	Lường Thị Khiêm	01/08/1993	Thái	DTTS	Văn hóa	59.0	5	64.0	
78	2049	Hạng A Làng	17/09/2002	Mông	DTTS	Văn hóa	68.0	5	73.0	
79	2050	Cao Đại Lộc	15/06/1997	Chứt	DTTS	Văn hóa	57.5	5	62.5	
80	2051	Lê Khánh Ly	12/5/2003	Kinh		Văn hóa	87.5		87.5	
81	2052	Vừ Thị Ly	08/5/1997	Mông	DTTS	Văn hóa	68.5	5	73.5	
82	2053	Mùa A Lý	18/4/2002	Mông	DTTS	Văn hóa	70.0	5	75.0	
83	2054	Mào Thị Thảo Mai	20/12/1995	Thái	DTTS	Văn hóa	92.0	5	97.0	
84	2055	Lò Thị Muôn	28/4/1993	Thái	DTTS	Văn hóa	81.5	5	86.5	
85	2056	Su Hừ Mur	15/8/1989	Hà Nhì	DTTS	Văn hóa	66.0	5	71.0	
86	2057	Lù Văn Nam	03/1/2003	Thái	DTTS	Văn hóa	81.0	5	86.0	
87	2058	Hoàng Phương Nga	18/08/2003	Thái	DTTS	Văn hóa	76.0	5	81.0	
88	2059	Lềng Văn Nghiệm	07/1/2003	Thái	DTTS	Văn hóa	90.5	5	95.5	
89	2060	Lò Thị Nghiên	26/11/1995	Thái	DTTS	Văn hóa	55.0	5	60.0	
90	2061	Sầm Thị Ngoan	02/2/1990	Thái	DTTS	Văn hóa	69.5	5	74.5	
91	2062	Lò Thị Ngọc	08/09/1997	Thái	DTTS	Văn hóa				Vắng
92	2063	Lò Văn Ngọc	11/7/1992	Thái	DTTS	Văn hóa	86.5	5	91.5	
93	2064	Lò Thị Nhiệm	16/7/1995	Thái	DTTS	Văn hóa	81.0	5	86.0	
94	2065	Mào Thị Nhiệm	07/1/1989	Thái	DTTS	Văn hóa	65.5	5	70.5	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày/tháng/năm/sinh	Dân tộc	Điện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Điểm thi thực hành vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
95	2066	Cà Văn Niêm	24/6/1997	Thái	DTTS	Văn hóa				Vắng
96	2067	Vừ Thị Pà	08/09/2002	Mông	DTTS	Văn hóa	64.5	5	69.5	
97	2068	Mai Hoàng Phúc	06/11/2002	Kinh		Văn hóa	96.5		96.5	
98	2069	Quảng Văn Phương	13/07/2002	Thái	DTTS	Văn hóa	70.0	5	75.0	
99	2070	Lò Thị Phụng	05/9/1990	Thái	DTTS	Văn hóa	50.5	5	55.5	
100	2071	Chu Cà Po	13/7/2000	Hà Nhì	DTTS	Văn hóa	55.5	5	60.5	
101	2072	Lò Văn Quý	19/9/2001	Thái	DTTS	Văn hóa				Vắng
102	2073	Lường Thị Quỳnh	02/01/2002	Thái	DTTS	Văn hóa	86.5	5	91.5	
103	2074	Phạm Như Quỳnh	26/6/2002	Kinh		Văn hóa	84.5		84.5	
104	2075	Quảng Thị Sen	11/1/2000	Thái	DTTS	Văn hóa	65.5	5	70.5	
105	2076	Vừ A Sênh	13/3/2001	Mông	DTTS	Văn hóa	67.0	5	72.0	
106	2077	Cà Văn Thành	29/7/1993	Thái	DTTS	Văn hóa	87.5	5	92.5	
107	2078	Sùng A Thắng	19/4/1999	Mông	DTTS	Văn hóa	81.5	5	86.5	
108	2079	Lò Văn Thiên	03/2/2001	Thái	DTTS	Văn hóa	91.5	5	96.5	
109	2080	Lò Văn Thiết	24/10/1994	Thái	DTTS	Văn hóa	65.0	5	70.0	
110	2081	Lò Văn Thiết	19/05/1998	Thái	DTTS	Văn hóa	66.5	5	71.5	
111	2082	Lò Văn Thuận	10/6/2000	Thái	DTTS	Văn hóa	89.0	5	94.0	
112	2083	Hoàng Phương Thùy	29/1/2003	Tày	DTTS	Văn hóa	94.5	5	99.5	
113	2084	Lù Thị Thức	03/2/2003	Thái	DTTS	Văn hóa	68.5	5	73.5	
114	2085	Phan Thị Hà Thương	21/01/2003	Kinh		Văn hóa	87.5		87.5	
115	2086	Quảng Thị Thương	10/06/2003	Thái	DTTS	Văn hóa	66.5	5	71.5	
116	2087	Quảng Thị Tiên	12/7/2000	Thái	DTTS	Văn hóa	80.5	5	85.5	
117	2088	Lò Thị Tiến	30/09/2003	Thái	DTTS	Văn hóa	64.5	5	69.5	
118	2089	Quảng Văn Tiến	30/3/2001	Thái	DTTS	Văn hóa	67.0	5	72.0	
119	2090	Tòng Văn Tiến	12/1/2002	Thái	DTTS	Văn hóa	65.0	5	70.0	
120	2091	Tòng Thị Tiên	7/11/1996	Thái	DTTS	Văn hóa	80.5	5	85.5	
121	2092	Tòng Văn Tiệp	08/6/1991	Thái	DTTS	Văn hóa	59.0	5	64.0	
122	2093	Lò Thị Tính	19/4/1990	Thái	DTTS	Văn hóa	52.5	5	57.5	
123	2094	Mào Văn Toàn	26/5/1991	Thái	DTTS	Văn hóa	81.5	5	86.5	
124	2095	Đỗ Thu Trang	05/9/2003	Kinh		Văn hóa	70.0		70.0	
125	2096	Lò Thị Trang	24/04/2001	Thái	DTTS	Văn hóa				Vắng
126	2097	Lò Thị Trung	05/5/1996	Thái	DTTS	Văn hóa	78.5	5	83.5	
127	2098	Vừ A Tú	17/9/1997	Mông	DTTS	Văn hóa	69.0	5	74.0	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày/tháng/ năm/sinh	Dân tộc	Điện ưu tiên	Vị trí dự tuyển	Điểm thi thực hành vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
128	2099	Lò Văn Tuấn	12/1/1998	Thái	DTTS	Văn hóa	80.0	5	85.0	
129	2100	Lù Văn Tuấn	03/04/2000	Thái	DTTS	Văn hóa				Vắng
130	2101	Lý Văn Tuấn	09/1/1997	Mường	DTTS	Văn hóa	67.5	5	72.5	
131	2102	Mào Văn Tư	10/6/2002	Thái	DTTS	Văn hóa	73.0	5	78.0	
132	2103	Sùng A Và	06/3/2002	Mông	DTTS	Văn hóa	84.5	5	89.5	
133	2104	Điều Chính Văn	01/07/1999	Thái	DTTS	Văn hóa	86.5	5	91.5	
134	2105	Mê Thị Thanh Văn	15/2/2002	Thái	DTTS	Văn hóa				Vắng
135	2106	Mùa Thị Vân	26/06/2003	Mông	DTTS	Văn hóa	63.0	5	68.0	
136	2107	Hạng A Vừ	05/9/1991	Mông	DTTS	Văn hóa	81.5	5	86.5	
137	2108	Quảng Thị Xam	02/07/2002	Thái	DTTS	Văn hóa	64.5	5	69.5	
138	2109	Lò Thị Xuân	06/5/2003	Thái	DTTS	Văn hóa	69.0	5	74.0	
139	2110	Lường Xuân Văn	19/11/1991	Thái	DTTS	Văn hóa	59.0	5	64.0	
140	2111	Mào Thị Xuân	13/7/1994	Thái	DTTS	Văn hóa	91.0	5	96.0	
141	2112	Quảng Thị Xuân	13/2/2002	Thái	DTTS	Văn hóa	61.5	5	66.5	
142	2113	Cà Thị Xuyên	22/10/2001	Thái	DTTS	Văn hóa	68.0	5	73.0	
143	2114	Đinh Thị Yên	17/11/1996	Mường	DTTS	Văn hóa	68.5	5	73.5	

Danh sách có 143 thí sinh ./.